

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/DS - ST

Ngày 25 tháng 4 năm 2023

V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Môn

2. Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở TAND thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 221/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-DS ngày 09/3/2023, các Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-DS ngày 24/3/2023; số 38/2023/QĐST- DS ngày 12/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Tr, huyện Y, tỉnh B

Đại diện theo ủy quyền: Văn phòng Luật sư V, địa chỉ: Số 487, đường L, phường H, thành phố B, tỉnh B do Luật sư Ong Thị Th – Trưởng Văn Phòng; bà Ngô Thị Th - Luật sư Văn phòng Luật sư V đại diện tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền ngày 22/12/2022- bà Th vắng mặt, bà Th1 có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 171, đường C, tổ dân phố C, phường Th, thành phố B, tỉnh B

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị Th2, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ xã Tr, huyện Y, tỉnh B.

2. Anh Bùi Văn Ph, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ xã Tr, huyện Y, tỉnh B

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971(vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 171, đường C, tổ dân phố C, phường Th, thành phố B, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Năm 2013, ông Bùi Văn T mở cửa hàng bán lẻ xăng dầu số 11, địa chỉ: Thôn S, xã Tr, huyện Y, tỉnh B. Trong thời gian năm 2014, ông T có bán lẻ dầu diezen cho ông Nguyễn Văn Q để ông Q vận hành máy móc phục vụ cho việc xây dựng công trình đắp đê do ông Q nhận thầu. Vì là chỗ quen biết từ trước, tin tưởng nhau nên hai bên không ký kết hợp đồng mua bán bằng văn bản, chỉ thỏa thuận miệng về việc mua bán dầu diezen với nội dung: Khi ông Q cần mua dầu thì sẽ đến cửa hàng xăng dầu của ông T để lấy, sau khi thống nhất số lượng thì ông T cung cấp dầu cho ông Q và ghi nợ, tiền nợ của ông Q sẽ do ông T tự theo dõi trong sổ ghi nợ của mình, về đơn giá sẽ áp theo giá cả chung trên thị trường tại thời điểm mua.

Trong năm 2014, ông Q mua dầu diezen ở cửa hàng xăng dầu của ông T 02 đợt: đợt 1 (từ khoảng tháng 8/2014) mua dầu, thành tiền là 42.764.000 đồng; đợt 2 (tháng 9/2014) mua dầu, thành tiền là 40.295.00 đồng. Tổng dầu ông Q mua, thành tiền của 02 đợt là 83.059.000 đồng. Ngày 23/9/2014, ông Q gửi trả tiền mua dầu cho ông T là 20.000.000 đồng. Số tiền còn nợ lại là 63.059.000 đồng, ông Q đã tự viết xác nhận nợ trong sổ ghi nợ của ông T với nội dung “*Tổng đến ngày 16/10/2014, Q nợ tổng tiền lấy dầu là (sáu mươi ba triệu không trăm năm mươi chín nghìn đồng)*” đồng thời ghi họ tên “Nguyễn Văn Q” và ký tên (Q) vào trong Sổ theo dõi nợ của ông Toàn. Giấy ghi nợ này ông T đã cung cấp cho Tòa án bản gốc.

Tuy nhiên, sau khi chốt công nợ xong thì ông Q không chủ động trả khoản nợ trên cho ông Toàn. Ông T đã liên tục đôn đốc yêu cầu ông Q trả thì ông Q khất lần và cố tình không trả khoản nợ trên. Do vậy, ông T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Q phải thanh toán trả số tiền 63.059.000 đồng mua dầu diezen theo giấy chốt công nợ ngày 16/10/2014 và thanh toán tiền chậm trả nợ gốc tính từ ngày khởi kiện 13/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất là 10%/năm.

Ông T xác định việc mua bán dầu ông T chỉ giao dịch với ông Q nên chỉ yêu cầu cá nhân ông Q trả tiền, không yêu cầu bà Nguyễn Thị H (vợ ông Q) phải trả.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Q, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thu H đã được nhận thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng không có văn bản ý kiến, không đến Tòa án làm việc, không cung cấp giấy tờ, tài liệu gì.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Văn Ph trình bày: Anh Bùi Văn Ph hoàn toàn nhất trí với ý kiến yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T (là bố đẻ), đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Toàn. Số tiền mua dầu ông Q nợ nêu trên là của ông T – bà Th1, không liên quan gì đến anh Ph.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Th2 trình bày: Trong năm 2014 vợ chồng bà có bán lẻ dầu diezen cho ông Nguyễn Văn Q để

ông Q vận hành máy móc. Vì là chỗ tin tưởng nên hai bên không ký hợp đồng mua bán mà chỉ thỏa thuận miệng về việc mua bán dầu với nội dung: Khi ông Q cần mua dầu thì sẽ đến cửa hàng xăng dầu của ông T để lấy. Sau khi thống nhất số lượng thì ông T cung cấp dầu cho ông Q và ghi nợ. Tiền nợ của ông Q sẽ do vợ chồng bà tự theo dõi trong sổ ghi nợ của mình. Số tiền mua dầu ông Q nợ nêu trên là của cá nhân ông Q nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q phải trả vợ chồng bà theo đơn khởi kiện của ông Toàn.

Tại phiên tòa ngày 24/3/2023: Bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 12/4/2023: Nguyên đơn đề nghị hoãn phiên tòa để hai bên tự thỏa thuận nên Tòa án hoãn phiên tòa

Tại phiên tòa ngày 25/4/2023:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Th2, anh Bùi Văn Ph vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nguyên đơn trình bày:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Buộc bị đơn trả số tiền mua dầu còn nợ theo giấy chốt công nợ ngày 16/10/2014 là 63.059.000đồng; yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán của số tiền 63.059.000đồng, mức lãi suất là 10%/năm, thời gian từ ngày khởi kiện 13/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/4/2023, tạm tính là 2.297.000đồng.

- Bị đơn – ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông Q bắt đầu lấy dầu của ông T từ năm 2013 đến năm 2015, khi đến lấy có mã ông Q trả tiền ngay, có mã chưa trả. Chữ viết, chữ ký trong giấy ghi ngày 16/10/2014 do nguyên đơn nộp cho Tòa án là chữ viết, chữ ký của ông Q nên ông Q chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chịu trách nhiệm trả số tiền còn nợ như nguyên đơn yêu cầu. Ngày 12/4/2023, hai bên có lập biên bản thỏa thuận thống nhất về số tiền ông Q còn nợ và hẹn chậm nhất ngày 19/4/2023 ông Q sẽ trả tiền cho nguyên đơn nhưng do không có tiền nên không thực hiện được thỏa thuận này. Khoản tiền nợ này là của cá nhân ông Q, không liên quan đến vợ ông là Nguyễn Thị H hay bất cứ ai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị H) chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn Q trả ông Bùi Văn T – bà Vũ Thị Th2 số tiền nợ gốc là 63.059.000đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 2.297.869 đồng.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Th2, anh Bùi Văn Ph vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 63.059.000 đồng là tiền bị đơn mua dầu của nguyên đơn chưa trả, yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thanh toán. Đây là tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân trong giao dịch dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng dân sự cụ thể là tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

[3] Về yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền 63.059.000đồng tiền mua dầu: Mặc dù giữa vợ chồng ông Bùi Văn T và ông Nguyễn Văn Q không ký kết hợp đồng mua bán dầu bằng văn bản nhưng căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (giấy theo dõi nợ ghi ngày 16/10/2014) có đủ căn cứ xác định giữa ông Nguyễn Văn Q và vợ chồng ông Bùi Văn T có thỏa thuận giao kết, thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa là dầu. Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn Q thừa nhận chữ viết chữ ký trong giấy ghi nợ ngày 16/10/2014 là do ông Q viết, ký; thừa nhận số tiền dầu còn nợ là 63.059.000 đồng như ông Bùi Văn T khởi kiện và đồng ý chịu trách nhiệm trả số tiền 63.059.000đồng cho ông Bùi Văn T - bà Vũ Thị Th2. Do vậy, căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 278, Điều 280; Điều 430; Điều 440 Bộ luật Dân sự; Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về yêu cầu trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền của nguyên đơn:

[4.1] Tại giấy theo dõi nợ do nguyên đơn cung cấp ghi nội dung “*Tổng đến ngày 16/10/2014, Q nợ tổng tiền lấy dầu là (sáu mươi ba triệu không trăm năm mươi chín nghìn đồng)*”, không ghi thỏa thuận, cam kết của hai bên về thời hạn thanh toán số tiền mua dầu còn nợ, không ghi thỏa thuận của hai bên về việc chịu lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Tại khoản 2, khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự quy định: “2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản. 3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật này”.

Theo nguyên đơn trình bày từ năm 2014 đến nay, nguyên đơn nhiều lần yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền mua dầu còn nợ là 63.059.000 đồng nhưng nguyên đơn không trả, sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn cũng không có ý kiến gì về việc thanh toán số tiền còn nợ nêu trên. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả đối với khoản tiền còn nợ là 63.059.000 đồng, thời gian trả từ ngày khởi kiện 13/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/4/2023, mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 440; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 nên cần chấp nhận. Từ ngày 13/12/2022 đến ngày 25/4/2023 là 04 tháng, 12 ngày, mức lãi suất là 10%/năm (tương ứng 0,83%/ tháng, 0,027%/ ngày):

Số tiền lãi của 04 tháng là: $63.059.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 4 \text{ tháng} = 2.093.558 \text{ đồng}$. Số tiền lãi của 12 ngày là: $63.059.000 \text{ đồng} \times 0,027\% \times 12 \text{ ngày} = 204.311 \text{ đồng}$. Tổng tiền lãi là 2.297.869 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Buộc ông Nguyễn Văn Q trả ông Bùi Văn T – bà Vũ Thị Th2 số tiền mua dầu còn nợ là 63.059.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính đến ngày 25/4/2023 là 2.297.869 đồng. Tổng cộng là 65.356.869 đồng (bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm sáu mươi chín đồng).

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 3.267.843 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả ông Bùi Văn T số tiền 1.576.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001991 ngày 27/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND Tp Bắc Giang.
- CCTHADS Tp Bắc Giang .
- Các đ-ơng sự.
- L- u HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

